

Theo UNDP thị trường chỉ là phương tiện, sự phát triển của con người mới là mục đích. Tăng trưởng kinh tế chỉ là một khía cạnh, chuẩn mực cuối cùng là con người.

Vốn con người

Khi phân tích hồi quy hàm số sản xuất của 87 nền kinh tế và các nền kinh tế Đông Á thời kỳ 1960-1985, người ta rút ra kết luận 60% tốc độ tăng trưởng thực tế của các nền kinh tế Đông Á là do đóng góp của tích lũy vốn vật chất và vốn con người, trong số 60% đó vốn vật chất máy móc thiết bị đóng góp 35-49%, còn lại là phần đóng góp của nguồn vốn con người chiếm từ 51-65%.

Cách đây 40 năm Hàn Quốc và Gana có mức thu nhập quốc dân theo đầu người như nhau song tới thập kỷ 90 thu nhập quốc dân theo đầu người của Hàn Quốc cao gấp 6 lần Gana. Theo các chuyên gia ngân hàng thế giới, một nửa của sự khác biệt đó là do Hàn Quốc thành công trong việc phát triển nguồn vốn con người (trình độ cao và lòng tự hào dân tộc).

Những kỷ lục xuất sắc về kinh tế của Nhật và những nền kinh tế châu Á khác trong vài thập niên gần đây đang minh họa một cách sâu sắc sự quan trọng của vốn con người trong việc tăng trưởng. Việc thiếu vắng những tài nguyên thiên nhiên, đã nhập khẩu gần như toàn bộ nguyên liệu. Những quốc gia này đã phát triển nhanh chóng bằng cách dựa vào nguồn vốn con người (giáo dục đào tạo tốt và ý thức dân tộc cao).

Ngày nay lý thuyết tăng trưởng đã khẳng định vai trò của nguồn vốn con người trong tăng trưởng kinh tế và đảm bảo cho tốc độ tăng trưởng đạt mức cao, chứ không phải vai trò của vốn vật chất.

Muốn phát triển vốn con người cần phải phát triển văn hoá và xã hội. Phát triển văn hoá là phát triển ý thức con người, giữ được bản sắc văn hoá dân tộc. Phát triển xã hội là không

Phải chăng nền văn hoá xã hội Việt Nam đang đi chệch hướng

PGS. TS. PHƯƠNG NGỌC THẠCH

ngừng nâng cao thu nhập, nâng cao trình độ và sức khỏe con người. Kết quả nghiêm trọng có thể xảy ra nếu chỉ chú ý đến tăng trưởng kinh tế và sao nhãng phát triển văn hoá và xã hội.

Chúng ta biết có tăng trưởng không tạo việc làm, tăng trưởng thô bạo khoảng cách giàu nghèo tăng, tăng trưởng mất gốc mất bản sắc văn hoá dân tộc, tăng trưởng không có ngày mai, tài nguyên khoáng sản bị cạn kiệt.

Muốn tăng trưởng giữ được tốc độ cao bền vững thì tăng trưởng phải tạo ra nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập và sức khỏe cho người lao động, nâng cao trình độ người lao động và giữ được bản sắc văn hoá dân tộc.

Nhà nước phúc lợi

Trước hết để tăng trưởng cao và bền vững, không thể sao nhãng phát triển xã hội. Nghèo đói và bất bình đẳng tạo ra những bức bách khó mà đạt được sự tăng trưởng cao và bền vững. Phát triển giáo dục, y tế, việc làm thu nhập là những nội dung cơ bản của phát triển xã hội. Thực vậy, nhiều nước, những nước phát triển và những nước đang phát triển (những nước nghèo) đã đạt tăng trưởng kinh tế cao và xã hội ổn định nhờ những chính sách xã hội tốt đẹp. Nhóm các nước phát triển Thụy Điển và các nước Bắc Âu là mô hình nhà nước của phúc lợi xã hội toàn dân, dựa trên việc đánh thuế thu nhập cá nhân nhằm chia sẻ lợi ích giữa các tầng lớp xã hội, bảo đảm mọi công dân trong hoàn cảnh nào cũng hoàn toàn yên tâm về những bảo đảm cho các nhu cầu cơ bản. Nhóm

các nước đang phát triển Mỹ Latinh Venezuela, Chilê, Cuba, Bolivia... thực hiện các chính sách xã hội tiến bộ, trợ cấp cho những người già không có thu nhập, khám chữa bệnh, học hành miễn phí.

Nhiều nước rất chú trọng phát triển xã hội bằng cách tăng chi ngân sách cho các vấn đề xã hội, chứ không phải bắt người dân tăng đóng góp. Giáo dục và đào tạo là những đầu tư quan trọng nhất trong phát triển xã hội. Chi ngân sách cho giáo dục-đào tạo đầu những năm 1990 tỷ trọng này của Malaysia 21%, Thái Lan là 20%, Hàn Quốc 22%. Ngân sách chi cho giáo dục của Trung Quốc 105 USD/người, Thái Lan 350 USD/người, Malaysia 720 USD/người. Đầu tư cho giáo dục đào tạo theo GDP lấy từ ngân sách của Áo - 5,4%, Canada - 6,9%, Cuba - 6,7%, Phần Lan - 7,5%, Pháp - 6%, Ixraen - 6%, Thụy Điển - 8,3%, Na Uy - 7,4% (năm 1997). Tại nhiều quốc gia kể cả phát triển và đang phát triển, học sinh phổ thông 12 năm không phải đóng học phí. Nhiều nước chủ trương giáo dục miễn phí như Chilê trao học bổng toàn phần cho sinh viên đại học. Venezuela thực hiện chương trình giáo dục miễn phí. Nhà nước Cuba đảm bảo chế độ học tập miễn phí cho toàn dân. Toàn bộ hệ thống giáo dục Thụy Điển đều miễn phí, các nước Bắc Âu cũng vậy.

Tiếp đến y tế, chăm sóc sức khỏe người dân được chú ý đầu tư trong phát triển xã hội, sức khỏe tốt tác động đến tăng năng suất lao động, đến tiếp thu kiến thức nâng cao học vấn, đến giải phóng người nghèo khỏi nghèo đói. Chi

ngân sách cho y tế trên GNP chủ yếu lấy từ ngân sách của Pháp 9%, Anh 6,2%, Thụy Điển 10,5%. Ở nhiều nước thực hiện chính sách y tế tiến bộ, chữa bệnh miễn phí. Chính phủ Thụy Điển chịu mọi chi phí y tế, tất cả mọi công dân, bắt đầu đến 16 tuổi, đều tự động đăng ký bảo hiểm. Hệ thống BHYT Thụy Điển đảm bảo mọi người được chăm sóc y tế, hỗ trợ thuốc men, Chile thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho những người hơn 60 tuổi có lương hưu thấp hơn 58 USD/tháng. Y tế Cuba được nhà nước quan tâm đặc biệt, thực hiện chế độ khám chữa bệnh miễn phí cho toàn dân. Venezuela thực hiện chương trình y tế miễn phí.

Ngoài ra trong phát triển xã hội nhiều nước đã thực hiện những chính sách trợ cấp xã hội như Chile trợ cấp cho những người già không có thu nhập, Cuba tổ chức nhà an dưỡng cho người già, mỗi điểm dân cư xây dựng các công trình xã hội như nhà trẻ, trường học, bệnh xá, trại an dưỡng cho người già và phụ nữ có thai.

Ngoài phát triển xã hội, nhiều nước rất coi trọng phát triển văn hoá. Bản sắc văn hoá có ý nghĩa quyết định đến phát triển kinh tế. Giá trị văn hoá quyết định sự thành công của tăng trưởng kinh tế, tạo ra tốc độ cao bền vững của tăng trưởng kinh tế. Giá trị văn hoá vừa là nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế vừa là kết quả của sự tăng trưởng kinh tế. Truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, sống có mục đích, lý tưởng, lương tâm, trách nhiệm, ý thức con người, tinh thần hiếu học, tiếp thu tinh hoa nhân loại, tinh thần hợp tác tạo nên giá trị văn hoá, bản sắc văn hoá của một dân tộc, tạo nên giá trị con người.

Người Mỹ, người Đức, người Nhật và ngày nay những nước mới phát triển Hàn Quốc, Singapore có lòng tự trọng và ý thức về văn hoá dân tộc rất cao. Chính ý thức văn hoá này đã tạo ra những kỳ vĩ trong phát triển kinh tế của họ.

Nhờ phát triển văn hoá và xã hội tốt đẹp đó mà những nước này đã đạt

được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, góp phần ổn định chính trị xã hội. Cuba có tốc độ tăng trưởng GDP năm 2005 đạt 11%, năm 2006 đạt 12,2%. Venezuela đạt tốc độ 9-10%. Ấn Độ năm 2005 đạt 8%. Trung Quốc thập niên 1990-2000 là 10%, năm 2004 tốc độ đạt 9,5%.

Những vấn đề tồn tại ở nước ta

Ở nước ta những vấn đề văn hoá xã hội trước đây trong thời kỳ VN xây dựng CNXH ở miền Bắc, học hành và chữa bệnh hoàn toàn miễn phí, thực hiện công bằng xã hội và phát huy ý thức dân tộc, mặc dù ở trình độ kinh tế thấp có nhiều khó khăn do chiến tranh, là một bông hoa đẹp mà đến nay chúng ta không thể nào quên, góp phần giúp VN thắng Mỹ. Hòa bình lập lại đánh giá trong thời kỳ những năm 1990 và những năm sau này các nghiên cứu đều nhận định đường lối mang tính nhất quán của VN là chú trọng tới công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo và phát triển giáo dục, y tế, văn hoá. Có thể nói quan điểm chủ trương đưa ra thì đúng, nhưng thực tế cách làm, cơ chế chính sách lại không phù hợp, nhiều khi còn hạn chế, đi chệch hướng đưa đến văn hoá xã hội phát sinh nhiều vấn đề. Chúng ta đã làm quá ô ạt, xoá bỏ bao cấp chuyển hết sang thị trường, kể cả các lĩnh vực văn hoá xã hội mà các nước có cơ chế thị trường phát triển lâu đời (các nước Bắc Âu, Pháp, Đức...) cũng không làm. Khuynh hướng thương mại hoá ngành giáo dục, y tế, văn hoá làm mất đi tính chất công bằng của nền giáo dục, y tế, làm sai lệch ý thức con người, những khuynh hướng này luôn dễ xuất hiện trong cơ chế thị trường và được ngụy biện bởi khái niệm xã hội hoá, coi giáo dục, y tế là dịch vụ tiêu dùng không phải dịch vụ công cộng, thu học phí, viện phí để tạo nguồn tài chính cho giáo dục, y tế. Trong khi ngân sách là tiền thuế của người dân lại không được sử dụng chủ yếu cho các lĩnh vực phúc lợi nhà nước, giáo dục y tế, trợ giá nông nghiệp, chương trình nông thôn, an

sinh xã hội, chăm sóc người già, chăm sóc người nghèo, bảo hiểm xã hội cho người tàn tật, trợ cấp cho trẻ em, mà lại chủ yếu đầu tư vào sản xuất kinh doanh như ở nước ta.

Sau đây xin trình bày một số nét về những tồn tại trong phát triển văn hoá xã hội của cả nước trong những năm qua, 20 năm đổi mới, 30 năm hòa bình xây dựng.

Đối với phát triển xã hội, mặc dù đã thu được một số thành tựu, song còn nhiều vấn đề tồn tại mà dư luận xã hội nói khá nhiều.

Ngân sách chi cho giáo dục của nước ta đã thấp cả về tổng chi lẫn tính theo đầu người, chiếm 18% tổng chi ngân sách cả nước, 53 USD/người, so với các nước lân cận, ngân sách chi cho giáo dục của họ đều cao gấp đôi, gấp ba, thậm chí gấp hơn trăm (TQ 105 USD/người, Thái Lan 350 USD/người, Malaysia 720 USD/người). Chủ trương xã hội hoá trong giáo dục đã làm tăng sự đóng góp của người dân cho học tập. Hiện nay phần tài chính do dân đóng góp cho lĩnh vực đào tạo ở nước ta chiếm 50% tổng chi phí cho giáo dục, phần ngân sách chi cho giáo dục của cả nước chỉ chiếm 50%. Tỷ lệ đóng góp của dân cao nhất thế giới. Điều tra mức sống dân cư cho thấy chi phí trực tiếp cho giáo dục khá cao so với thu nhập các hộ nghèo là một trong những nguyên nhân chính khiến trẻ em nghèo ít đi học. Số con em nhà nghèo ngày càng ít đến trường, thất học và tỷ lệ giảm ở các cấp cao hơn. Tỷ lệ học sinh nhập học tổng hợp các cấp giáo dục VN năm 2005 thấp nhất trong số 9 nước Đông Nam Á, cao hơn Myanmar, Campuchia, Lào.

Vừa qua nước ta tham gia WTO, VN cam kết thực hiện Hiệp định chung về thương mại dịch vụ GATS đối với tất cả 12 ngành dịch vụ, trong đó có giáo dục được coi là lĩnh vực dịch vụ mở cửa rộng nhất. Giáo dục theo WTO có xu hướng thương mại hoá, nhằm mục đích lợi nhuận, trái với quan điểm cơ bản của UNESCO giáo dục là quyền lợi cơ

bản của con người, không nhằm mục đích lợi nhuận. Chúng ta chủ trương cổ phần hoá một số trường công. CPH thực chất là thương mại hoá, mục tiêu chủ yếu là chạy theo lợi nhuận của các nhà đầu tư. Kết quả là có khoảng 6,8 triệu người trên 10 tuổi chưa từng đến trường và trong số đó có 5,3 triệu người hoàn toàn chưa biết chữ, tỷ lệ mù chữ của lực lượng lao động cả nước là 4%, số lao động được đào tạo nghề hiện nay chỉ đạt 25% so với tổng số lao động, nghĩa là còn 75% lao động không được đào tạo nghề. JETRO điều tra các công ty VN cho thấy 1/2 số công ty được hỏi than phiền về khó khăn trong việc tìm kiếm kỹ sư có trình độ, còn tình hình tuyển dụng cán bộ quản lý cấp trung gian ở VN đang ở mức tối tệ nhất so với các nước trong khu vực châu Á.

Về chính sách y tế, bảo vệ sức khỏe, chi ngân sách cho y tế của nước ta còn khá thấp. Nguồn vốn ngân sách chi cho y tế 3,8% năm 1997; 3,2% năm 2001, hiện nay là 4%. Theo Tổ chức y tế thế giới (WHO) chi phí cho sức khỏe hàng năm hiện nay ở VN ở mức 4 USD/người là quá thấp, để cung cấp dịch vụ y tế cơ bản trong một nước có thu nhập thấp, cần chi 40 USD/người/năm. Chúng ta chủ trương xã hội hoá y tế, tăng phần đóng góp của người dân cho chi phí y tế. Theo chủ nhiệm UBVDXH của QH thì đầu tư cho y tế rất thấp so với yêu cầu, trong đó tỷ lệ ngân sách nhà nước trong tổng số chi của bệnh viện giảm từ 70% năm 1994 xuống 26% năm 2004, tính theo tổng chi phí thì ngân sách nhà nước mới chỉ bảo đảm khoảng hơn 20% còn 80% do người bệnh tự chi trả. Phần đông người có thu nhập thấp chỉ sau một thời gian ngắn dốc hết tiền để khám chữa bệnh, nhiều gia đình nhanh chóng rơi vào diện hộ nghèo. Các chuyên gia y tế quốc tế lưu ý ở các nước trong khu vực người VN, Bangladesh, Ấn Độ, Trung Quốc chịu gánh nặng y tế cao nhất trong khi người Malaysia, Thái Lan và

Indonesia thấp nhất.

Ở VN diện tham gia bảo hiểm y tế còn hẹp, mới chủ yếu những người có việc làm trong các cơ quan, còn phần lớn người lao động làm việc tự do và nông dân chưa tham gia bảo hiểm. Mặt khác những chính sách, quy định về bảo hiểm y tế ngày càng chặt chẽ với lý do quỹ bảo hiểm y tế đã không còn cân đối thu chi, sửa đổi Nghị định 63 CP về bảo hiểm y tế tăng mức đóng góp BHYT, quay lại quy định cùng chi trả, một bước lùi trong BHYT. Khoản kinh phí chữa bệnh BHYT được quản lý chặt. Bác sĩ kê toa thuốc giá cao, phải cắt giảm thuốc của người bệnh, nhiều trường hợp phải đổi thuốc để không vượt mức quy định. Các chuyên gia y tế quốc tế đã lưu ý rằng ở VN nhiều người không có thẻ BHYT và sau khi tự xoay sở tài chính để chữa bệnh đã rơi vào giới nghèo.

Tham gia WTO, ngành y tế chủ trương cổ phần hoá bệnh viện công. CPH thực chất là thương mại hoá, mục tiêu phục vụ người dân là thứ yếu so với mục tiêu chạy theo lợi nhuận của các nhà đầu tư. Khuynh hướng thương mại hoá ngành y tế, làm mất đi tính chất công bằng của nền y tế, những khuynh hướng này luôn dễ xuất hiện trong cơ chế thị trường và được nguy hiểm bởi khái niệm xã hội hoá, coi dịch vụ y tế là dịch vụ tiêu dùng không phải dịch vụ công cộng, thu viện phí để tạo nguồn tài chính y tế.

Hậu quả là công luận nóng lên vì những phát hiện cho thấy sức khỏe cộng đồng bị coi thường. Đó là tình trạng quá tải, y đức của nhân viên y tế, chất lượng điều trị thấp, tình trạng lạm dụng xét nghiệm, lạm dụng thuốc ngoại nhập rất phổ biến gây tốn kém cho người bệnh, vốn cho dự án hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho người nghèo tiêu không hết, song bao nhiêu người nghèo chết vì ốm đau mà không được chăm sóc thỏa đáng, tình trạng mất an toàn vệ sinh thực phẩm (vụ nước tương có chất gây ung thư sau 6 năm trời bùng phát thông tin, gây thiệt hại cho dân, hàng chục ngàn người ung

thư) nông và hải sản tồn đọng dư lượng hoá chất, thịt gia súc nhiễm bệnh.

Xoá đói giảm nghèo một nhiệm vụ quan trọng của phát triển xã hội được quan tâm giải quyết, song mức độ cải thiện mức sống và kết quả đạt được về XĐGN không cao. Tình trạng xoá đói giảm nghèo ở nước ta vẫn là một thách thức, tỷ lệ nghèo còn cao, tốc độ giảm nghèo chững lại, sự phân hoá giàu nghèo đang tăng rất nhanh, nguy cơ tái nghèo còn ở mức cao.

Tỷ lệ nghèo còn cao. Tính theo chuẩn nghèo quốc tế, đến nay (2006) tỷ lệ nghèo chung của cả nước còn khoảng 24%, tương đương 18-19 triệu người trong 83 triệu người. Phân hoá giàu nghèo ngày càng tăng. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng doãng ra, năm 1996 là 10,6 lần, 1999 là 12 lần, 2001-2002 là 12,5 lần, 2005 là 13,5 lần và đang có chiều hướng mở rộng. Theo ông Roland đang có sự bất bình đẳng trong phát triển, người giàu ở VN đang giàu lên, người nghèo lại nghèo đi.

Như vậy là không có sự đồng bộ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, phát triển xã hội không tương ứng với tăng trưởng kinh tế. Vấn đề tăng trưởng GDP cao thu hút nhiều sự quan tâm, còn sự phát triển kết hợp kinh tế với xã hội bị xem nhẹ. GDP/người của nước ta trong những năm qua tăng, nhưng mức sống của đa số dân cư vẫn không được cải thiện một cách tương ứng, người dân không hưởng lợi từ tăng trưởng GDP một cách tương xứng, vì phúc lợi xã hội do tăng trưởng mang lại đã bị rơi vào tay một nhóm nhỏ người trong xã hội, các quan chức và các đại gia.

Làm giàu bằng mọi giá

Đối với phát triển văn hoá, công tác giáo dục ý thức, lương tâm, trách nhiệm con người chúng ta còn coi nhẹ đôi khi thực hiện chệch hướng, còn giáo dục chung chung về truyền thống yêu nước, sống có lý tưởng, chưa có những biện pháp thiết thực để nâng cao ý thức người dân. Một số phẩm chất tốt như cần cù, năng động, dễ thích nghi, tính

tích cực và sáng tạo... lại thiếu cơ chế và điều kiện kích thích để phát huy. Xã hội đang phải đương đầu và trả giá cho những hậu quả, cái mất mát lớn là sự xuống cấp ý thức văn hoá, chạy theo các giá trị vật chất tầm thường, khi mà đồng tiền được coi là thước đo, đồng tiền trở thành quan hệ ứng xử phổ biến trong xã hội, là thước đo giá trị nhân phẩm con người, chạy theo đồng tiền bất chấp pháp luật và đạo lý.

Nhìn vào những bức xúc của người dân trong thời gian qua rõ ràng nguồn gốc sâu xa đều xuất phát từ tình trạng yếu kém về mặt ý thức của con người. Quan niệm thực dụng quá chú trọng lợi ích vật chất coi thường những giá trị tinh thần. Những bề bết bị phát hiện cho thấy không phải vì túng thiếu mưu sinh, mà là để thỏa mãn vật chất tiền bạc.

Chúng ta ca ngợi sự giàu có, nâng cao đời sống người dân, song làm phát sinh tâm lý hưởng thụ, làm giàu bằng bất kể hình thức nào. Không phải ngẫu nhiên buôn bán ma túy phát triển mặc dù nhiều án tử hình. Đối đời bằng việc lấy chồng nước ngoài, đường dây buôn bán 126 phụ nữ qua Malaysia, không chỉ gả bán, rao bán công khai như một món hàng, nhiều người bị đưa vào động mại dâm trá hình, xâm hại đến danh dự nhân phẩm người phụ nữ VN.

Các đại gia ở thành phố đã phát lên vì mấy cơn sốt giá: 2 cơn sốt giá đất năm 1993 và năm 2001, cơn sốt giá vàng từ năm 2001, cơn sốt giá chứng khoán từ đầu năm 2006, tức là 4 cơn sốt giá trong 13 năm. Sự giàu có của các đại gia như vậy không khuyến khích người ta có đời sống cao vì sản xuất mà chỉ vì cờ bạc, may rủi. Tệ nạn cờ bạc, mê tín dị đoan phát triển.

Văn hoá trong kinh doanh không được chú ý, chạy theo lợi nhuận thiếu sự kết hợp hài hòa với lợi ích của người lao động, lợi ích cộng đồng, của đất nước, đồng lương người lao động thấp và môi trường bị ô nhiễm nặng. Kết quả là người dân sống chung với dịch cúm gia cầm, lở mồm long móng, bệnh

heo tai xanh, liên cầu khuẩn trên heo, nước tương đen với độc chất 3-MCPD. Những trì trệ đó đang tạo bức xúc lo lắng trong xã hội.

Thương mại hoá giáo dục, y tế. Kết quả là lợi ích kinh tế đã chi phối, đã lũng đoạn mọi hoạt động giáo dục đào tạo và y tế, đạo đức và chất lượng giáo dục, y tế xuống cấp.

Làm giàu bằng tham nhũng, chạy chức, chạy quyền. Những nhà đầu tư, nhà phân tích nước ngoài đang có mặt và hoạt động tại VN đã ngày càng oái ảnh nặng tham nhũng. Kinh tế trưởng WB tại VN nhận xét tình trạng tham nhũng đang ở mức nguy hiểm ở VN (9.8.2006).

Bệnh không trung thực, không thẳng thắn, nói dối và làm giả, bệnh nói không làm, bệnh nói một đằng làm một nẻo. Mấy căn bệnh ấy đi liền với tình trạng không tuân thủ pháp luật, trước nhất trong đội ngũ công chức và cán bộ nhà nước và cũng khá phổ biến trong dân.

Tồn tại về văn hoá còn thể hiện ở tinh thần thiếu đoàn kết, rộng mở, hòa đồng, quảng đại, còn bản vị hay cục bộ địa phương, hẹp hòi hay phân biệt đối xử... thích làm ăn tự do, thiếu tính liên kết để tạo sức mạnh.

Hình ảnh một số cán bộ công chức đặc quyền đặc lợi, không chấp hành kỷ cương phép nước, một số thẩm phán chạy án đã khiến người dân giảm sút ý thức lòng tin vào pháp luật.

Những điểm yếu càng bộc lộ rõ khi nền kinh tế mở cửa và hội nhập.

Như vậy là không có sự đồng bộ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá. Có thể nói những tồn tại của văn hoá nước ta thời gian qua là hệ quả tất yếu của quá trình tăng trưởng kinh tế mà coi nhẹ phát triển ý thức con người.

Hậu quả của những yếu kém trong phát triển văn hoá xã hội đất nước là tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm và hiệu quả đầu tư thấp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nước ta có hiện tượng giảm, năm 2000/1995 tốc độ

giảm đi 2,75%, 2005/1995 tốc độ giảm đi 1,14%. Ba mươi năm xây dựng hòa bình, nước ta vẫn nằm trong nhóm 50 nước nghèo nhất thế giới.

Theo IMF mỗi năm chính phủ VN đầu tư mức 30% GDP, nếu đầu tư hiệu quả, tốc độ tăng trưởng của VN phải ở mức là 9-10% như ở Trung Quốc chứ không phải là 7-8%. Khoảng thập kỷ 1960 và 1970 khi Đài Loan có mức thu nhập bình quân đầu người như VN hiện nay, họ đã có mức tăng trưởng trên 11% trong suốt 10 năm liền tuy lượng đầu tư chỉ chiếm 25% GDP. Như vậy sự lãng phí làm VN mỗi năm tổn thất khoảng 2% GDP, tương đương 1 tỷ USD. Vì sao ở VN tổng đầu tư toàn xã hội đạt 40% GDP nhưng tốc độ tăng trưởng cao không tương xứng.

Kiến nghị

Từ thực trạng phát triển văn hoá xã hội nước ta trong thời gian qua cũng như kinh nghiệm của các nước, chúng ta cần phải tập trung khắc phục mặt trái của cơ chế thị trường, cần phát triển văn hoá và xã hội đất nước theo hướng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh, kiến nghị như sau:

1. Cần luật hoá các quy định về hệ thống an sinh và bảo hiểm xã hội, tăng chi ngân sách bảo đảm quyền lợi cho mọi người được tiếp cận các dịch vụ cơ bản nhất để thoát nghèo như được học hành chữa bệnh miễn phí, được trợ cấp tạo nghề tìm việc làm, trợ cấp cho những người già không có thu nhập

2. Cần phải có các biện pháp đồng bộ nâng cao ý thức dân tộc và đạo đức trách nhiệm người dân, kết hợp giữa biện pháp giáo dục và biện pháp kinh tế (kết hợp giữa cung cấp vốn và cung cấp kiến thức, tìm kiếm việc làm và tổ chức lao động cho họ), cũng như biện pháp hành chính. Nâng cao ý thức người dân bằng những biện pháp hành chính lâu ngày gây thành thói quen cho người dân trong cuộc sống. Vấn đề là phải xây dựng một cơ chế, tổ chức động viên cổ vũ phát huy lòng tự hào dân tộc ý thức của người dân ■